

KẾ HOẠCH

Hoạt động Quản lý Rừng bền vững năm 2021 của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững VFCS/PEFC ST 1003:2019;

Căn cứ Quy định xây dựng và điều chỉnh kế hoạch Quản lý rừng bền vững (QĐNN16).

Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng lập Kế hoạch Hoạt động Quản lý rừng bền vững năm 2021, cụ thể như sau:

A. Mục tiêu và phạm vi quản lý rừng bền vững

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Duy trì quản lý rừng bền vững theo Hệ thống Chứng chỉ Rừng Quốc gia (VFCS/PEFC) với 8.000 ha rừng cao su thuộc 4 Nông trường: Đoàn Văn Tiến (1.978,36 ha), Trần Văn Lưu (2.839,89 ha), Thanh An (2.393,65 ha), Bến Súc (788,10 ha) góp phần duy trì và phát triển rừng cao su, đáp ứng nhu cầu văn hóa - kinh tế - xã hội, môi trường sinh thái bền vững và hiệu quả. Việc sản xuất các sản phẩm từ cây cao su không làm tổn hại mà còn giúp bảo vệ tài nguyên rừng cao su.

Đảm bảo kinh doanh rừng tuân thủ luật pháp, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của cộng đồng; đảm bảo thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với xã hội, góp phần nâng cao đời sống cho cộng đồng và giữ vững ổn định trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, giảm thiểu các tác động tiêu cực của cộng đồng tới tài nguyên rừng.

2. Mục tiêu cụ thể

* Môi trường:

Xác định tổng diện tích rừng được bảo vệ, hệ sinh thái, đa dạng sinh học, các loài thực vật rừng, không để xảy ra cháy rừng, vi phạm Pháp luật về Lâm nghiệp.

* Xã hội:

Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; ổn định đời sống người dân sống xung quanh khu vực quản lý của Công ty; Nâng cao nhận thức về quản lý rừng bền vững.

* Kinh tế:

Xác định sản lượng gỗ, mù thu hoạch ổn định theo từng năm;

Xác định nguồn tài chính bền vững từ các hoạt động kinh doanh rừng cao su;

Tổng doanh thu hàng năm ổn định và tăng mạnh trong các năm tiếp theo.

II. Phạm vi quản lý rừng bền vững

Năm 2021, diện tích quản lý rừng cao su của Công ty 27.919,80 ha, trong đó:

+ Diện tích tham gia Hệ thống Chứng chỉ Rừng Quốc gia (VFCS/PEFC): 8.000 ha thuộc 4 Nông trường: Đoàn Văn Tiến diện tích 1.978,36 ha (xã Định Hiệp và thị trấn Dầu Tiếng); Trần Văn Lưu diện tích 2.839,89 ha (xã Định An, Định Hiệp và Minh Tân); Thanh An diện tích 2.393,65 ha (xã Định Hiệp, An Lập và Thanh An); Bến Súc diện tích 788,10 ha (xã Thanh An, Thanh Tuyền) huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

+ Diện tích tham gia Hệ thống giải trình trách nhiệm kiểm soát nguồn gốc DDS theo PEFC cho vườn cây cao su của Công ty: 19.919,80 ha (Diện tích này sẽ biến động tùy vào tình hình vườn cây mỗi năm, kế hoạch sử dụng đất của Công ty, quyết định thu hồi đất của Tỉnh về việc bàn giao đất về địa phương để phục vụ kinh tế Tỉnh).

B. Kế hoạch hoạt động năm 2021

I. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ hiện trạng sử dụng đất rừng cao su năm 2020, định hướng các đề án xây dựng quy hoạch sử dụng đất của Công ty. Diện tích đất rừng cao su cần được bảo vệ 25.075,54 ha (17.075,544 ha tham gia hệ thống DDS và 8.000 ha tham gia Chứng chỉ VFCS/PEFC).

Diện tích đất trống và dự kiến Quy hoạch khác không tham gia Chứng chỉ Rừng - DDS: 2.844,26 ha.

Kế hoạch sử dụng đất trồng cao su năm 2021:

Số	ĐƠN VỊ	Diện tích Công ty (ha)	Diện tích DDS (ha)							Khu vực tham gia Chứng chỉ VFCS/PEFC (ha)							
			KTCB	Kinh doanh	Thu hoạch gỗ 2021	Đất trống và đất dự kiến Quy hoạch khác	Tái canh 2021	Diện tích loại trừ (DLO, HLVS, HLNN, HLDD)	Vườn nhân	Tổng	KTCB	Kinh doanh	Thu hoạch gỗ 2021	Đất trống và đất dự kiến Quy hoạch khác	Tái canh 2021	Diện tích loại trừ (DLO, HLVS, HLNN, HLDD)	Tổng
1	An Lập	3.444,62	1.084,02	2.157,95		171,78	0,00	30,87									0,00
2	Bến Súc	2.774,29	643,16	1.260,51		3,66	0,00	78,86		383,58	370,36			0	34,16	788,10	
3	Đoàn Văn Tiến	3.290,00	164,34	940,80	29,02	97,29	29,02	80,19		82,97	1.516,36	126,14	145,05	126,14	107,84	1.978,36	
4	Long Hòa	3.600,94	907,58	1.555,47		991,28	0,00	146,61								0,00	
5	Long Tân	3.813,09	1.101,48	2.155,58		479,77	0,00	76,26								0,00	
6	Minh Hòa	4.092,06	1.180,52	2.151,96	181,64	653,13	0,00	105,43	1,02							0,00	
7	Thanh An	2.513,11	0,00	16,20		86,10	0,00	17,16		667,30	1.609,90				116,44	2.393,64	
8	Trần Văn Lưu	4.391,68	71,61	1.076,32		361,25	0,00	42,61		1.122,29	1.540,59	29,52	27,83	29,52	119,66	2.839,89	
	TỔNG	27.919,80	5.152,71	11.314,79	210,66	2.844,26	29,02	578,00	1,02	19.919,80	2.256,14	5.037,21	155,66	172,88	155,66	378,11	8.000,00

Bên cạnh đó, diện tích quản lý của Công ty có các khu vực quy hoạch hành lang bảo vệ, khu vực đường lô được đưa vào quản lý bảo vệ và hạn chế khai thác.

Ngoài ra các khu vực trồng xen cây lâu năm cũng được quy hoạch đưa vào bảo vệ và hạn chế khai thác. Hiện nay, Công ty có 358,90 ha (234,70 ha VFCS và 124,20 ha DDS) diện tích cao su đang trồng xen các cây lâu năm như dó bầu, keo lai... Các diện tích này cần được hạn chế tác động, phát triển theo hướng tự nhiên.

II. Kế hoạch bảo vệ rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và khu có giá trị bảo tồn cao

1. Kế hoạch bảo vệ rừng bền vững

1.1. Kế hoạch bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng

- Thực hiện phòng chống cháy trên toàn bộ diện tích trồng rừng cao su 25.075,54 ha (17.075,544 ha tham gia hệ thống DDS và 8.000 ha tham gia Chứng chỉ VFCS/PEFC, bao gồm diện tích Hành lang ven suối, Hành lang bảo vệ,...).

- Tổ chức lực lượng bảo vệ rừng theo quy định của Công ty;

- Tổ chức tập huấn và diễn tập các phương án chữa cháy tại đơn vị. Vận động, giáo dục CB.CNLD thực hiện tốt các quy định, nội quy PCCC, các kiến thức về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

- Các lực lượng bảo vệ tăng cường tuần tra, kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các trường hợp vi phạm và tiến hành xử lý theo quy định.

- Vào mùa khô, khi cao su thay lá các đơn vị tổ chức quét lá ngăn cháy trên hàng (rộng 03 m) và các đường bao lô (rộng 06 m). Hạn chế tối đa nguy cơ cháy xảy ra và ngăn cháy lan.

- Trang bị đầy đủ các loại dụng cụ phục vụ cho công tác PCCN:

+ Đối với vườn cây cao su: Trang bị máy thổi lá, máy nổ chữa cháy, phuy nhựa chứa nước 200 lít, can nhựa vận chuyển nước 30 lít, cào cỏ, chổi, keng báo cháy..

+ Đối với văn phòng, nhà kho, xưởng sản xuất: Trang bị hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy bán tự động, các loại bình chữa cháy, keng báo cháy, nội quy – tiêu lệnh, các biển báo cấm, cảnh báo..

+ Tất cả các loại phương tiện, dụng cụ được kiểm tra định kỳ 01 lần/tháng do các đơn vị cơ sở trực thuộc thực hiện. Định kỳ 06 tháng Công ty kiểm tra một lần

+ Tiến hành kiểm kê, đánh giá để tiến hành sửa chữa và trang bị thêm khi cần thiết.

1.2. Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng

- Thực hiện phòng trừ sinh vật gây hại trên toàn bộ diện tích trồng rừng cao su đứng 23.946,55 ha (16.497,54 ha tham gia hệ thống DDS và 7.449,01 ha tham gia Chứng chỉ VFCS/PEFC,...).

Số	ĐƠN VỊ	Diện tích Công ty (ha)	Diện tích DDS (ha)				Khu vực tham gia Chứng chỉ VFCS/PEFC (ha)				
			KTCB	Kinh doanh	Tái canh 2021	Vườn nhân	Tổng	KTCB	Kinh doanh	Tái canh 2021	Tổng
1	An Lập	3.241,97	1.084,02	2.157,95	0,00					0,00	
2	Bến Súc	2.657,61	643,16	1.260,51	0,00	1.903,67	383,58	370,36	0	753,94	
3	Đoàn Văn Tiên	2.859,63	164,34	940,80	29,02	1.134,16	82,97	1.516,36	126,14	1.725,47	
4	Long Hòa	2.463,05	907,58	1.555,47	0,00	2.463,05				0,00	
5	Long Tân	3.257,06	1.101,48	2.155,58	0,00	3.257,06				0,00	
6	Minh Hòa	3.333,50	1.180,52	2.151,96	0,00	3.333,50				0,00	
7	Thanh An	2.293,40	0,00	16,20	0,00	16,20	667,30	1.609,90		2.277,20	
8	Trần Văn Lưu	3.840,33	71,61	1.076,32	0,00	1.147,93	1.122,29	1.540,59	29,52	2.692,40	
	TỔNG	23.946,55	5.152,71	11.314,79	29,02	1,02	16.497,54	2.256,14	5.037,21	155,66	7.449,01

- Phòng trừ các loại bệnh, sâu và yếu tố gây hại chính trên cây cao su: Giám sát thường xuyên để dự báo tình hình xuất hiện sâu bệnh hại, để có biện pháp phòng trừ kịp thời. Khi dịch hại xuất hiện, cần quan sát, theo dõi, đánh giá và xác định nguyên nhân để có biện pháp xử lý có hiệu quả và kinh tế nhất.

- Quản lý cỏ dại đối với cây cao su: Phun diệt cỏ dại ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của cây cao su. Không phun dọc 02 bên hành lang ven suối, giữ lại thảm thực vật dọc 02 bên hành lang để phòng và hạn chế sự xói mòn.

- Sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật không nằm trong danh mục cấm của FSC List of 'highly hazardous' pesticides FSC-STD-30-001a EN; Danh mục các hóa chất độc hại IA, IB của WHO (*Trích từ tài liệu: The WHO Recommended Classification of Pesticides by Hazard*); Thông tư 10/2020/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

- Tuyên truyền đến nhân viên trong Công ty và người lao động địa phương, nhận biết về một số sâu bệnh hại rừng cao su và thông tin kịp thời đến các tổ sản xuất, xây dựng các biện pháp ngăn chặn sâu bệnh dịch hại.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và tuyên truyền về công tác vệ sinh rừng trồng tại các lô rừng.

- Trồng xen canh phải sử dụng các loài giống chống chịu tốt với các loại sâu bệnh hại, sử dụng các loài cây ngăn ngày.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân phun phòng trị sinh vật gây hại. Công nhân phải mặc bảo hộ trong quá trình thực hiện.

- Việc phun phòng trị không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và người dân quanh khu vực rừng cao su.

2. Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao

Mục đích: Bảo vệ các khu vực hành lang ven suối và vùng đệm; Bảo vệ và duy trì nguồn nước và cảnh quan do công tác trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng đem lại, phục vụ nước tưới và sinh hoạt cho cộng đồng dân cư.

Tổng diện tích rừng cần xây dựng bảo tồn đa dạng sinh học cần được bảo vệ, được tổng hợp dưới đây:

HIỆN TRẠNG (ha)						
Tổng diện tích vườn cao su đứng	Diện tích rừng cần xây dựng bảo vệ và hạn chế khai thác					
	Đường lô	Tỷ lệ	Hành lang bảo vệ	Tỷ lệ	Diện tích trồng xen	Tỷ lệ
23.946,55	636,46	2,66%	319,65	1,33%	358,90	1,49%

Không trồng cao su trên đất dọc 2 bên sông, suối trong khoảng cách từ 10- 30 m để giúp rừng và thảm thực vật tự nhiên có điều kiện duy trì và phát triển. Đồng thời, diện tích đã trồng xen cây lâm nghiệp lâu năm là 358,90 ha.

- + Tiến hành trồng xen hoặc trồng thuần với tỷ lệ diện tích thích hợp những cây rừng bản địa hoặc cây lấy gỗ tại các khu vực hành lang bảo vệ để làm tăng tính đa dạng sinh học.
- + Xây dựng hệ thống biển báo, phục vụ công tác tuyên truyền;
- + Tổ chức tuyên truyền trong nhân dân biết và cùng tham gia bảo vệ;
- + Phối hợp với chính quyền địa phương các xã, triển khai các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng; thường xuyên tiến hành tuần tra các khu vực dễ bị xâm hại, bắt giữ các đối tượng xâm hại tới rừng, xử lý nghiêm minh các trường hợp cố tình vi phạm.
- + Không chăn thả gia súc vào khu vực bảo vệ.
- + Không chặt phá, phun thuốc BVTV gây hại thảm thực vật.
- + Không săn bắt các động vật hoang dã xung quanh khu vực bảo vệ (nếu có).
- + Theo dõi biến động về đa dạng sinh học định kỳ; Thu thập số liệu định kỳ, đầy đủ theo kế hoạch; Tổng hợp, phân tích số liệu và báo cáo.

II. Kế hoạch duy trì, phát triển và sử dụng rừng cao su

1. Kế hoạch kiểm kê, khảo sát năng suất vườn cây đầu năm 2021

Công ty tổ chức kiểm kê vườn cây cao su hàng năm:

- Rừng cao su Kinh doanh: xác định được, mật độ cây cạo mủ, cây hữu hiệu và sản lượng mủ thu hoạch của mỗi đơn vị diện tích của từng năm tuổi, loại giống cây trồng. Đánh giá được chất lượng cây và chất lượng lô rừng, từ đó xác định được lượng kế hoạch thu hoạch và trữ lượng dự kiến cho năm tiếp theo.

- Đối với việc điều tra đánh giá vườn cây KTCB, yêu cầu đo đếm kích thước vanh của từng cây trong lô, đánh giá tỷ lệ cây có vanh trên 50cm để đưa vào mở cạo. Đồng thời đo đếm được tỷ lệ cây mở cạo trên toàn diện tích lô (đạt trên 70% tiến hành đưa lô vào mở cạo).

Căn cứ trên kết quả kiểm kê vườn cây, Công ty xây dựng các kế hoạch khác để thực hiện sản xuất.

2. Kế hoạch trồng rừng cao su (Tái canh)

Năm 2021, Công ty tiến hành trồng rừng cao su với diện tích 184,68 tại Nông trường Đoàn Văn Tiến và Trần Văn Lưu theo Quyết định số 526/QĐ-CSĐT và 532/QĐ-CSĐT ngày 28/12/2020. Các Nông trường khác không thực hiện tái canh.

Kế hoạch trồng rừng cao su và chuẩn bị giống năm 2021, cụ thể như sau:

ĐƠN VỊ	Diện tích tái canh 2021			Số cây giống dự kiến
	Diện tích DDS (ha)	Khu vực tham gia Chứng chỉ VFCS/PEFC (ha)	Tổng	
Đoàn Văn Tiến	29,02	126,14	155,16	90.420
Trần Văn Lưu	0,00	29,52	29,52	17.203
TỔNG	29,02	155,66	184,68	107.623

- Chuẩn bị, thực hiện các công tác liên quan đến trồng mới tái canh:

+ Chuẩn bị cây giống; Giống cây theo Cơ cấu giống đã được Tập đoàn CN Cao su Việt Nam phân bổ cho Công ty; được Viện nghiên Cứu Cao su Việt Nam kiểm định hàng năm nhằm tránh lẫn giống và xác định giống cây cao su không phải là loại biến đổi gen;

+ Cày, khoan hố;

+ Chuẩn bị phân bón.

- Khu vực tái canh cần phải được bảo vệ, không để xảy ra hiện tượng xói mòn.

3. Kế hoạch chăm sóc rừng cao su (KTCB, Kinh doanh, Tái canh)

Căn cứ kết quả kiểm kê vườn cây 01.01.2021, kế hoạch chăm sóc rừng cao su năm 2021, cụ thể như sau:

Số	ĐƠN VỊ	Diện tích Công ty (ha)	Diện tích DDS (ha)				Khu vực tham gia Chứng chỉ VFCS/PEFC (ha)				
			KTCB	Kinh doanh	Tái canh 2021	Vườn nhân	Tổng	KTCB	Kinh doanh	Tái canh 2021	Tổng
1	An Lập	3.241,97	1.084,02	2.157,95	0,00					0,00	
2	Bến Súc	2.657,61	643,16	1.260,51	0,00		383,58	370,36	0	753,94	
3	Đoàn Văn Tiến	2.859,63	164,34	940,80	29,02		82,97	1.516,36	126,14	1.725,47	
4	Long Hòa	2.463,05	907,58	1.555,47	0,00					0,00	
5	Long Tân	3.257,06	1.101,48	2.155,58	0,00					0,00	
6	Minh Hòa	3.333,50	1.180,52	2.151,96	0,00	1,02				0,00	
7	Thanh An	2.293,40	0,00	16,20	0,00		667,30	1.609,90		2.277,20	
8	Trần Văn Lưu	3.840,33	71,61	1.076,32	0,00		1.122,29	1.540,59	29,52	2.692,40	
	TỔNG	23.946,55	5.152,71	11.314,79	29,02	1,02	16.497,54	2.256,14	5.037,21	155,66	7.449,01

- Thực hiện công tác chăm sóc theo hướng dẫn của các Quy định kỹ thuật (QĐNN02, QĐNN04, QĐNN05).

- Quản lý công tác trồng xen trên vườn cây KTCB theo Quy định QĐNN06, thực hiện cho thuê trồng xen: 100% diện tích vườn cây tái canh 2021; 50% diện tích KTCB năm thứ 2; 20% KTCB năm thứ 3 trở lên. Nhằm tăng mục đích sử dụng đất và bảo vệ khu vực rừng cao su.

- Bảo vệ vườn cây cao su thời kỳ thu hoạch mủ:

+ *Phòng chống cháy*: Trước mùa khô hàng năm, thực hiện các biện pháp chống cháy cho vườn cây; Làm các đường ngăn lửa cách khoảng 100 – 200 m; Mùa cao su rụng lá, tổ chức quét lá, gom lá vào giữa luống; Không được đốt hoặc gom hốt lá ra ngoài lô; Đối với các nơi có diện tích lớn, nên tổ chức đội chữa cháy có trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện chữa cháy và phân công người túc trực để làm nhiệm vụ; Trường hợp vườn cây bị cháy, dùng dung dịch vôi 5% quét lên lớp vỏ cây bị ảnh hưởng.

+ *Bảo vệ chống trộm mủ, gia súc phá hại*: Không để thả rong gia súc trong vườn cao su; Có giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn mọi hành vi trái phép như lấy cắp mủ, mua bán mủ, đốn tỉa cây và phá hoại các vật tư trang bị trong vườn cao su kinh doanh.

- Bảo vệ môi trường: Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại theo quy định của Nhà nước: chất thải rắn được thu gom và bàn giao cho đơn vị chức năng xử lý, nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh trạm trung chuyển mù tại vườn cây được thu gom về bể tận thu sau đó chảy tràn qua hồ tự thấm tại vườn cây.

4. Kế hoạch thu hoạch gỗ, mũ cao su và chế biến mũ cao su

4.1. Kế hoạch thu hoạch gỗ cao su (Thanh lý cao su)

Căn cứ Báo cáo số 266/BC-CSDT ngày 10/3/2020 của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng báo cáo Tập đoàn CN Cao su Việt Nam về việc lập kế hoạch thanh lý vườn cây cao su năm 2021.

Kế hoạch thanh lý vườn cây cao su năm 2021, cụ thể như sau:

Số	ĐƠN VỊ	Diện tích thu hoạch gỗ 2021		
		Tổng	Diện tích DDS (ha)	Khu vực tham gia Chứng chỉ VFCS/PEFC (ha)
1	Đoàn Văn Tiến	155,16	29,02	126,14
2	Minh Hòa	181,64	181,64	
3	Trần Văn Lưu	29,52		29,52
	TỔNG	366,32	210,66	155,66

Kế hoạch trữ lượng gỗ thu hoạch gỗ năm 2021:

Hạng mục	Diện tích thu hoạch gỗ 2021	Trữ lượng BQ (ster/ha)	Tổng trữ lượng gỗ (ster/ha)
Khu vực DDS	210,66	120,00	25.279,20
Khu vực tham gia Chứng chỉ VFCS/PEFC	155,66	120,00	18.679,20
TỔNG	366,32		43.958,40

4.2. Kế hoạch thu hoạch mũ cao su năm 2021

Căn cứ các Kế hoạch Tập đoàn giao cho Công ty và Kế hoạch giao cho các Nông trường. Kế hoạch thu hoạch mũ cao su năm 2021 (Nông trường tự khai thác) là 27.300 tấn, trong đó:

- + Sản lượng mũ thu hoạch từ vườn cây có VFCS: 8.468,71 tấn;
- + Sản lượng mũ thu hoạch từ vườn cây tham gia hệ thống DDS: 18.831,29 tấn.

Số	ĐƠN VỊ	Năng suất (tấn/ha)	Kế hoạch sản lượng năm 2021				Tổng sản lượng (tấn)
			Diện tích VCKD -DDS (ha)	Sản lượng DDS (tấn)	Diện tích VCKD -VFCS (ha)	Sản lượng VFCS (tấn)	
1	An Lập	2,00	2.157,95	4.110,00		0,00	4.110,00
2	Bến Súc	1,88	1.260,51	2.365,09	370,36	694,91	3.060,00
3	Đoàn Văn Tiến	1,55	940,80	969,64	1.516,36	2.350,36	3.320,00
4	Long Hòa	2,06	1.555,47	3.210,00		0,00	3.210,00
5	Long Tân	1,68	2.155,58	3.400,00		0,00	3.400,00
6	Minh Hòa	1,87	2.151,96	3.560,00		0,00	3.560,00
7	Thanh An	1,86	16,20	30,19	1.609,90	2.999,81	3.030,00
8	Trần Văn Lưu	1,57	1.076,32	1.186,37	1.540,59	2.423,63	3.610,00
TỔNG			11.314,79	18.831,29	5.037,21	8.468,71	27.300,00

4.3. Kế hoạch chế biến mủ cao su năm 2021:

Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng sử dụng các nguyên liệu đầu vào là nguyên liệu có khai báo PEFC cho hệ thống PEFC CoC để sản xuất các sản phẩm mủ với tỷ lệ % nguyên liệu có PEFC do khách hàng yêu cầu, cụ thể các sản phẩm mủ như sau: SVR L, SVR 3L, SVR CV40, SVR CV50, SVR CV60, SVR 10CV, Latex ly tâm loại HA, Latex ly tâm loại LA, Latex ly tâm loại ULPL-HA, Latex ly tâm loại ULPL-LA.

5. Kế hoạch đào tạo

STT	Nội dung tập huấn	Thành phần tham dự	Thời gian	Địa điểm
1	Đào tạo về cách sử dụng logo PEFC	Cán bộ tham gia Quản lý rừng và CoC tại Các phòng Ban Công ty	Tháng 3/2021	Hội trường Công ty
2	Tập huấn về việc thực hiện giao nhận mủ nước tại các Nông trường được cấp chứng nhận VFCS năm 2020	Cán bộ tham gia Quản lý rừng và CoC tại Các đơn vị Nông trường Đoàn Văn Tiến, Bến Súc, Thanh An	Tháng 04/2021	Tại Nông trường
3	Đào tạo các Quy định, Quy trình kỹ thuật cây cao su theo Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2020 do Tập đoàn ban hành và các Biểu mẫu chỉnh sửa có nhận dạng VFCS, DDS	Cán bộ tham gia Quản lý rừng và CoC tại Các đơn vị Nông trường	Tháng 05/2021	Tại Nông trường
4	Tập huấn về việc thực hiện các hoạt động giám sát trong	Cán bộ tham gia Quản lý rừng và CoC tại Các	Tháng 06/2021	Hội trường Công ty

STT	Nội dung tập huấn	Thành phần tham dự	Thời gian	Địa điểm
	Quản lý Rừng bền vững	đơn vị Phòng Ban và Nông trường		
5	Tập huấn định kỳ về việc nhận thức Quản lý Rừng Bền Vững VFCS/PEFC và Hệ thống Chuỗi hành trình sản phẩm PEFC CoC	Cán bộ tham gia Quản lý rừng và CoC tại Các đơn vị Phòng Ban và Nông trường	Tháng 10/2021	Hội trường Công ty

Ghi chú: Tùy vào điều kiện thực tế, thời gian và địa điểm đào tạo có thể thay đổi

6. Kế hoạch duy tu và bảo dưỡng đường lô

Đầu năm 2021, các Nông trường tiến hành kiểm tra và thống kê các đường lô bị hư hỏng cần được sửa chữa để phục vụ sản xuất.

Công ty dựa vào các báo cáo Nông trường cung cấp, lập kế hoạch sửa chữa, và thực hiện theo Quyết định từ số 180-188/QĐ-CSDT ngày 23/4/2021 về việc giao kế hoạch năm 2021 của từng đơn vị Nông trường.

7. Kế hoạch bảo vệ môi trường

- Lập kế hoạch sử dụng hóa chất năm 2021 (Theo Quyết định số 145/QĐ-HĐTVCSDT ngày 19/5/2021 về việc phê duyệt kế hoạch điều chỉnh mua sắm hóa chất, vật tư, trang thiết bị, phân bón, dịch vụ phục vụ công tác sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng).

- Kế hoạch thu gom chất thải nguy hại: Công ty thực hiện thu gom chất thải tại các đơn vị (2 lần/năm vào quý II và quý IV mỗi năm).

- Kế hoạch giám sát đa dạng sinh học: Được thực hiện 4 lần/ năm; điều tra tình hình sinh vật hiện tại của năm và biến động sinh vật qua các quý tại các đơn vị.

- Kiểm tra hiện trạng xói mòn đất sau mùa mưa và lập kế hoạch bảo vệ Hành lang ven suối, thực hiện các biện pháp bảo vệ thảm sinh vật dọc 2 bên ven suối (Kế hoạch số 10d/KH-CSDT ngày 03/1/2020 về việc bảo vệ hành lang ven suối và giám sát môi trường tại trạm trung chuyển giai đoạn 2020-2025).

8. Kế hoạch an toàn vệ sinh lao động và các hoạt động xã hội (Theo chương trình riêng)

8.1. Kế hoạch an toàn vệ sinh lao động

Căn cứ Văn bản số 4145/CSVN-LĐTL ngày 28/12/2020 của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam về việc hướng dẫn An toàn lao động năm 2021. Công ty đã lập kế hoạch chi tiết về An toàn vệ sinh lao động năm 2021 và ban hành ngày 25/1/2021, cụ thể tóm tắt như sau:

- Số lượng lao động hưởng chế độ an toàn vệ sinh lao động năm 2021:

STT	Chức danh công việc	Đơn vị tính	Số lao động theo kế hoạch lao động	Lao động hưởng chế độ ATVSLĐ			
				Phương tiện bảo vệ cá nhân	Bồi dưỡng nặng nhọc, độc hại	Khám sức khỏe nghề nghiệp	Huấn luyện An toàn lao động
I	Lao động gián tiếp phụ trợ	Người	694	402	227	694	688
1	Gián tiếp sản xuất	Người	558	402	97	558	558
a	Quản lý sản xuất	Người	376	298	57	376	376
b	Phục vụ sản xuất	Người	136	97	40	136	136
c	Đoàn thể	Người	46	7	0	46	46
2	Lao động khác	Người	136	0	130	136	130
II	Lao động trực tiếp	Người	4.827	4.827	4.827	4.827	4.827
1	Khu vực vườn cây cao su	Người	4.316	4.316	4.316	4.316	4.316
2	Khu vực nhà máy chế biến mủ	Người	394	394	394	394	394
3	Công nhân phụ trợ SXKD	Người	117	117	117	117	117
Tổng (I+II)			5.521	5.229	5.054	5.521	5.515

- Các hoạt động ATVSLĐ năm 2021 và dự toán kinh phí:

STT	Nội dung	Kinh phí (đồng)
1	Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động	6.007.920.000
2	Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật	21.019.460.000
3	Khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	3.251.250.000
4	Huấn luyện ATVSLĐ	629.700.000
5	Tuyên truyền ATVSLĐ	68.000.000
6	Các biện pháp về kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ	525.578.859
7	Các biện pháp về vệ sinh lao động, phòng chống độc hại	622.985.000
Tổng		32.124.893.859

- Bên cạnh đó, Công ty thực hiện nộp các khoản chế độ của người lao động như BHXH, BHYT, BHTN cho Nhà nước theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ trả công lao động theo đúng quy định Nhà nước.

8.2. Kế hoạch các hoạt động xã hội

Công đoàn Công ty, cùng Công đoàn cơ sở lập chương trình hoạt động công đoàn năm 2021, nhằm chăm lo đời sống của người lao động và tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động văn hóa của Công ty (Chương trình số 01/CTr-CD ngày 31/12/2020 của Công Đoàn Công ty về Chương trình hoạt động công đoàn công ty năm 2021).

Đồng thời theo dõi, đánh giá tình hình lao động của Các đơn vị. Báo cáo định kỳ mỗi tháng cho Công đoàn Công ty về tình hình hoạt động Công đoàn tại đơn vị.

9. Kế hoạch kiểm tra giám sát và đánh giá các hoạt động quản lý rừng bền vững

9.1. Nội dung và tần suất giám sát: Trong quá trình thực hiện có thể thay đổi tần suất giám sát khi nhận thấy không phù hợp với thực tế và cần thông báo đến ban thực hiện VFCS của công ty nhằm điều chỉnh tần suất giám sát. (Đính kèm bảng chi tiết).

Kế hoạch giám sát của Công ty Năm 2021

TT	Nội dung giám sát	Tháng trong năm												Trách nhiệm và tần suất		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Công ty/ Phòng Chuyên môn	Nông trường, Nhà máy	
1	Giám sát năng suất, kiểm kê vườn cây	x													1 lần/năm	1 lần/năm
2	Giám sát trồng, chăm sóc bảo vệ rừng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	1 lần/tháng	1 lần/tháng
3	Giám sát khai thác mù Giám sát thanh lý vườn cây	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10 lần/năm	Hàng ngày
4	Giám sát quy trình vận chuyển và chế biến mù cao su thiên nhiên	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	1 lần/tháng	1 lần/tháng
5	Giám sát an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động						x							x	2 lần/năm	1 lần/tháng
6	Giám sát phòng cháy chữa cháy						x							x	02 lần/năm	1 lần / tháng
7	Giám sát công tác bảo dưỡng đường lô			x			x			x				x	4 lần /năm	4 lần / năm
8	Giám sát tác động xã hội													x	1 lần/năm	1 lần/năm
9	Giám sát công tác bảo vệ môi trường		x			x			x					x	4 lần/năm	4 lần/năm
10	Giám sát các hoạt động khác phục									x	x	x			3 lần/năm	1 tháng/lần

9.2. Phân công trách nhiệm giám sát, thực hiện báo cáo kết quả giám sát.

9.2.1. Cấp Công ty/ Các phòng Ban chức năng:

- Các phòng ban chức năng thực hiện giám sát theo kế hoạch giám sát của Công ty; kiểm tra và đánh giá thực hiện các công tác Quản lý Rừng và hồ sơ tài liệu thực hiện tại nông trường.

- Thực hiện báo cáo đánh giá kết quả giám sát bảng phân công chi tiết đính kèm.

9.2.2. Cấp Nông trường:

- Nông trường thực hiện giám sát dựa trên kế hoạch giám sát của Công ty.

- Tổ thực hiện Quản lý Rừng Nông trường phân công các bộ phận thực hiện các biểu mẫu giám sát theo kế hoạch giám sát năm 2021 của Nông trường và lưu trữ hồ sơ.

9.2.3. Các mẫu biểu giám sát và trách nhiệm thực hiện theo như sổ tay hệ thống quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng VFCS.

Phân công trách nhiệm giám sát, thực hiện báo cáo kết quả giám sát cấp Công ty

TT	Nội dung giám sát	Tần suất giám sát	Trách nhiệm	Thời gian báo cáo
1	Giám sát năng suất, kiểm kê vườn cây	01 lần/năm	Phòng Kỹ thuật	Tháng 02
2	Giám sát trông, chăm sóc bảo vệ rừng	1 lần/tháng	Phòng Kỹ thuật	04 lần/năm
3	Giám sát khai thác mù, Giám sát thanh lý vườn cây	10 lần/năm	Phòng Kỹ thuật	04 lần/năm
4	Giám sát quy trình vận chuyển và chế biến mù cao su thiên nhiên	1 lần/tháng	Phòng QLCL	04 lần/năm
5	Giám sát an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động	2 lần/năm	Phòng TCLĐTL	2 lần/năm
6	Giám sát phòng cháy chữa cháy	02 lần/năm	Phòng TTBV	04 lần/năm
7	Giám sát công tác bảo dưỡng đường lô	4 lần /năm	Phòng Kỹ thuật	4 lần/năm
8	Giám sát tác động xã hội	1 lần/năm	Công đoàn Công ty	1 lần/năm
9	Giám sát công tác bảo vệ môi trường	4 lần/năm	Phòng Kỹ thuật	4 lần/năm
10	Giám sát các hoạt động khắc phục	3 lần/năm	Ban chỉ đạo CCR	3 lần/năm

TM. BAN CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHÓ BAN 

Nơi nhận:

- Các Phòng ban chức năng;
- 08 Nông trường;
- Lưu: VT, KT


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hiền